UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI C**ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG Dộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTPVHCC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYÉT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cử Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật số 47/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-BTP ngày 10/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc uỷ quyền công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 354/TTr-STP ngày 06 tháng 02 năm 2025.

QUYÉT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

- Danh mục 62 thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội (chi tiết tại Phụ lục I);
- Danh mục 01 thủ tục hành chính lĩnh vực chứng thực thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện bị bãi bỏ (chi tiết Phụ lục II).
- Điều 2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này trình Chủ tịch uỷ ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính trong danh mục được công bố kèm theo Quyết định này thay thế các thủ tục hành chính: tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 3658/QĐ-UBND ngày 15/7/2024 của UBND Thành phố; Mục II phần A, số 02 mục III phần A, mục II phần C tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 6144/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của UBND Thành phố; từ số 01; 02;04;05;06;07;09;10;11;12 mục II tại phụ lục II, mục II tại phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 3109/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND Thành phố.

Điều 4. Sở Tư pháp, Trung tâm Phục vụ hành chính công, các Sở, ban, ngành Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã, UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: GIÁM ĐỐC

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tich, các PCT HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Các sở, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã;
- Cổng Thông tin điện tử Thành phố;
- TTPVHCC: GĐ, PGĐ, các phòng, đơn vị thuộc TT;
- Luu: VT, KSTTHC(T).

Cù Ngọc Trang

Phụ lục I DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC VÀ NUÔI CON NUÔI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

A. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp

I. Lĩnh vực Quốc tịch

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	chính Thủ tục cấp Giấy		hiện Công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa của Sở Tự phán	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp thành phố Hà Nội	Can cư phap ty - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định	Mã TTHC: 2.001895
					chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	

					 Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. Quyết định số 87/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; 	
2	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền): 1. Thời hạn Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan công an Thành phố xác minh nhân thân người xin nhập quốc tịch: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Thời hạn cơ quan công an xác minh và trả lời kết quả xác minh: 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. 3. Thời hạn Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ, trình Chủ tịch UBND TP: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xác minh. 4. Thời hạn Chủ tịch UBND TP xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. 5. 1. Đối với trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin thôi quốc tịch nước ngoài	Công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa của Sở Tư pháp	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp thành phố Hà Nội	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.	Mã TTHC: 2.002039

The bis hom D 2 T1.4 1-: 2	O., 24 4: 2 97/OD STD 2-14/01/2025 D. 4 1.4 2
- Thời hạn Bộ Tư pháp kiểm	- Quyết định số 87/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về
tra hồ sơ, thông báo cho	việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh
người xin nhập quốc tịch	vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;
làm thủ tục xin thôi quốc	
tịch nước ngoài (trừ trường	
hợp người xin nhập quốc	
tịch xin giữ quốc tịch nước	
ngoài hoặc là người không	
quốc tịch): 20 ngày kể từ	
ngày nhận được văn bản đề	
xuất của Chủ tịch UBND	
TP.	
- Thời hạn Bộ Tư pháp thừa	
ủy quyền Thủ tướng Chính	
phủ trình Chủ tịch nước xem	
xét, quyết định: 10 ngày làm	
việc kể từ ngày nhận được	
giấy cho thôi quốc tịch nước	
ngoài.	
11g0ai.	
5.2 Đối với trường hợp	
người xin nhập quốc tịch	
Việt Nam xin giữ quốc tịch	
nước ngoài hoặc là người	
không quốc tịch:	
- Thời hạn Bộ Tư pháp kiểm	
tra hồ sơ, thừa ủy quyền Thủ	
tướng Chính phủ trình Chủ	
tịch nước xem xét, quyết	
định: 20 ngày kể từ ngày	
nhận được văn bản đề xuất	
của Chủ tịch UBND TP.	
6. Thời hạn Chủ tịch nước	
xem xét, quyết định: 30	
ngày kể từ ngày nhận được	
đề nghị của Thủ tướng	
Chính phủ.	
 Cilini più.	

Thủ tục trở lại quố tịch Việt Nam ở trong nước	việc kể từ ngày nhận được cửa của Sơ	nận Một Tư pháp Sơ qua pháp thành ph	- 1 'Flace - 4m ac 04/2024/FF DTD 06/6/2024 DSI	Mã TTHC: 2.002038
--	--------------------------------------	--	---	-------------------

		quốc tịch): 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch UBND TP. - Thời hạn Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài. 5.2 Đối với trường hợp người xin trở lại quốc tịch việt Nam xin giữ quốc tịch việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch: - Thời hạn Bộ Tư pháp kiểm tra hồ sơ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch UBND TP. 6. Thời hạn Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.				
4	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền): 1. Thời hạn Sở Tư pháp đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam và gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an TP xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam: 05 ngày	Công dân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa của Sở Tư pháp hoặc gửi hồ sơ qua bưu chính	pháp thành phố Hà Nội	 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. 	Mã TTHC: 2.002036

		làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Thời hạn cơ quan Công an TP xác minh và gửi kết quả xác minh: 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp. 3. Thời hạn Sở Tư pháp. 3. Thời hạn Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch UBND TP: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xác minh. 4. Thời hạn Chủ tịch UBND TP xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. 5. Thời hạn Bộ Tư pháp kiểm tra, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch UBND TP. 6. Thời hạn Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch UBND TP. 6. Thời hạn Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.			- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. - Quyết định số 87/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;	
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền - 20 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam;	cong dan nọp no sơ tại Bộ phận Một cửa của Sở Tư pháp	pháp thành phố	 - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. 	Mã TTHC: 2.005136

- 55 ngày làm việc đối với trường hợp không không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.	 Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.
	- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.
	- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.
	- Quyết định số 87/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

II. Lĩnh vực Nuôi con nuôi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Giải quyết việc nuôi cơn nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	- Thời gian Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em để thông báo tìm người nhận con nuôi: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác, thời gian Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ làm con nuôi ở nước ngoài: 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý	- Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: Cơ sở nuôi dưỡng lập, chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý cấp huyện cho ý kiến, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em. - Hồ sơ của người nhận con nuôi: +Trường hợp người nhận con nuôi thường trú tại nước là thành viên của điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam: tổ chức con nuôi nộp hồ sơ của người nhận con nuôi cho Bộ Tư pháp thông qua hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính. Trường hợp nước đó không có tổ chức con nuôi được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, thì người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Bộ Tư	Một cửa của	- Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng	Mã TTHC: 1.003976

về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.

- Thời gian cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha me đẻ của trẻ em bi bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha me đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bi bỏ roi làm con nuôi tai tru sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhân được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhân được văn bản đề nghi của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em).

- Thời gian *Bộ Tư pháp* kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi:

pháp thông qua Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú, hoặc cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của nước đó tại Việt Nam.

+Đối với trường hợp người nhận con nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp thông qua hình thức nộp trực tiếp, gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người đang cư trú tại Việt Nam.

và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài;

- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.
- Quyết định số 71/QĐ-STP ngày 10/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

 ,	
15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.	
- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.	
- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.	
- Thời gian Sở Tư pháp thực hiện giới thiệu trẻ em làm con nuôi lại trong trường hợp Uỷ ban nhân dân cấp tính không đồng ý với việc giới thiệu trước (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 90 ngày, kể từ ngày Uỷ ban nhân dân cấp tính có văn bản không đồng ý.	
- Thời gian Sở Tư pháp chuyển cho <i>Bộ Tư pháp</i> 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trẻ	

em thuộc diện thông qua thủ			
tục giới thiệu): 05 ngày làm			
việc, kể từ ngày Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đồng ý.			
- Thời gian <i>Bộ Tư pháp</i> kiểm			
tra kết quả giải quyết việc			
nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ			
ngày nhận được báo cáo kết			
quả giải quyết việc nuôi con			
nuôi của Sở Tư pháp.			
- Thời gian <i>Bộ Tư pháp</i>			
thông báo cho Sở Tư pháp:			
15 ngày, kể từ ngày nhận			
được văn bản của cơ quan có			
thẩm quyền của nước nơi			
người nhận con nuôi thường			
trú thông báo về sự đồng ý			
của người nhận con nuôi đối			
với trẻ em được giải quyết			
cho làm con nuôi, xác nhận			
trẻ em được nhập cảnh và			
thường trú tại nước mà trẻ			
em được nhận làm con nuôi.			
- Thời gian Ủy ban nhân dân			
cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ			
em làm con nuôi người nước			
ngoài: 15 ngày, kể từ ngày			
nhận được hồ sơ do Sở Tư			
pháp trình.			
- Thời gian người nhận con			
nuôi có mặt ở Việt Nam để			
trực tiếp nhận con nuôi: 60			

		ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.				
2	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận con nuôi	- Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan, xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài và thông báo cho người nhận con nuôi, Cơ	- Người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ cho Bộ Tư pháp thông qua hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính Trường hợp ủy quyền cho người đang cư trú tại Việt Nam nộp hồ sơ thì phải có văn bản ủy quyền.	- Bộ phận Một cửa Sở Tư Pháp, - Bộ phận Một cửa của Vụ Con nuôi - Bộ Tư pháp - Bộ phận Một cửa của UBND Thành phố	- Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ số, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.	Mã TTHC: 1.004878

- quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 30 ngày, kể từ ngày nhận được các giấy tờ Sở Tư pháp gửi.
- Thời gian Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp về kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú, người nhận con nuôi.
- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.
- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.

- Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài;
- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.
- Quyết định số 71/QĐ-STP ngày 10/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi,

					bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;	
3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp cho Sở Tư pháp thông qua hình thức nộp trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Lưu ý: - Trường hợp phải chứng minh nơi thường trú của cha mẹ nuôi và con nuôi khi nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo các phương thức nêu tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Trường hợp không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân theo các phương thức trên thì có thể yêu cầu người nộp hồ sơ nộp bản sao hoặc xuất trình một trong các giấy tờ chứng minh	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp thành phố Hà Nội	- Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí	Mã TTHC: 1.003179

		- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ	thông tin về cư trú, bao gồm: Thẻ căn cước công dân; Chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.		dăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài; - Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tò, hồ sơ nuôi con nuôi. - Quyết định số 71/QĐ-STP ngày 10/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;	
4	Giải quyết việc người nước ngoài	và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến	Hồ sơ được nộp: - Trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ hoặc - Qua bưu chính hoặc	- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết	2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số	Mã TTHC: 1.003160

thường trú	đồng ý về việc cho trẻ em	- Ona	Dich v	VII C	công trực	TTHC - Sở	- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm
ở Việt	làm con nuôi nước ngoài: 15	tuyến.	Dien	vų C	ong true	Tư pháp	2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nam nhận	ngày, kể từ ngày được lấy ý					1 1	Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011
trẻ em	kiến.					- Bộ phận	của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều
Việt Nam	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh					Tiếp nhận và trả kết quả	của Luật Nuôi con nuôi;
làm con	ra Quyết định: 15 ngày, kể					giải quyết	- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm
nuôi	từ ngày nhận được hồ sơ do					TTHC -	2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của
	Sở Tư pháp trình.					UBND	các Nghị định về nuôi con nuôi;
	so i a piap aini.					Thành phố	
						•	- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm
						- Trao Quyết	
						định nuôi con nuôi và	nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;
						Lễ giao,	
						nhận con	- Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm
						nuôi tại Sở	2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
						Tư pháp	quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;
							- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm
							2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành,
							hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ
							sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.
							- Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP
							ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ
							Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng
							và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp
							vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí
							đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy
							phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải
							quyết nuôi con nuôi nước ngoài;
							- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm
							2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con
							nuôi nước ngoài tại Việt Nam;

		- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức
		con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
		- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.
		- Quyết định số 71/QĐ-STP ngày 10/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

B. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện I. Lĩnh vực Hộ tịch

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	Một cửa UBND cấp huyện	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi	Mã TTHC: 2.000528

tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số
87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy
định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch
trực tuyến;
- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của
Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều
của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử
dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về
quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày
28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi
tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị
định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Hộ tịch;
- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,
nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin
trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch
Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí
quốc tịch;
- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí
thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số
điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày
29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ
phí thuộc thẩm quyết định của Hội đồng nhân
dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư
pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban
print to tipe cong to the type family find buil

				hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;	
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày	- Người có yêu cầu đăng ký kết hôn thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	chính, cung cấp dịch vụ công; Bộ phận - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Một cửa Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị UBND cấp dịnh trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ	Mã TTHC: 2.000806

		tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số
		87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy
		định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch
		trực tuyến;
		- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của
		Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều
		của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020
		của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử
		dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về
		quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày
		28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi
		tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị
		định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của
		Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
		thi hành Luật Hộ tịch;
		- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của
		Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,
		nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin
		trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch
		Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí
		quốc tịch;
		- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của
		Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí
		thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân
		tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
		- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021
		của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày
		29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ
		phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân
		dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
		- Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ
		tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban
		hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực

			hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày Bộ phận 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều	Mã TTHC: 1.001766

					của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử	
					dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về	
					quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày	
					28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi	
					tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị	
					định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của	
					Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp	
					thi hành Luật Hộ tịch;	
					- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của	
					Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản	
					lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ	
					sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam,	
					phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;	
					- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của	
					Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm	
					quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành	
					phố trực thuộc Trung ương;	
					- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021	
					của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của	
					Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của	
					Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm	
					quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành	
					phố trực thuộc Trung ương.	
					- Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ	
					tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban	
					hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực	
					hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức	
			,		năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
			- Người có yêu cầu đăng ký nhận		- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;	
	D* 1/ 1^ 1		cha, mẹ, con thực hiện nộp hồ sơ		- Luật Hột tịch năm 2014;	
1	Đăng ký nhận cha,	15 naàr	trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung		- Luật Hộ tịch hàm 2014, - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của	Mã TTHC:
4	mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	tâm hành chính công của UBND cấp huyện	huyện	Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp	2.000779
	nuoc ngoai		 Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng 			
			dịch vụ công quốc gia		thi hành Luật Hộ tịch;	
L			aion vu cong quoc gia	I		

(https://dichvucong.gov.vn) hoăc	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của
Cổng dịch vụ công của thành phố Hà	Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử,
Nôi	đăng ký hộ tịch trực tuyến;
(https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022
	của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các
	nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ
	khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành
	chính, cung cấp dịch vụ công;
	- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của
	Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
	định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ
	trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số
	điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-
	CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết
	một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
	- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của
	Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều
	và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-
	CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở
	dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
	- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của
	Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội
	dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày
	04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi
	tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số
	87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy
	định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch
	trực tuyến;
	- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của
	Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều
	của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020
	của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử
	dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về

				quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch	
				Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức	
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại).	- Luật Hộ tịch năm 2014; Bộ phận Một cửa Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thuyến huyến	Mã TTHC: 1.001695

- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022	
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các	
nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình số hộ	
khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành	
chính, cung cấp dịch vụ công;	
- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của	
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị	
định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;	
- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ	
trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số	
điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-	
CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết	
một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;	
- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của	
Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều	
và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-	
CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở	
dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	
- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của	
Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội	
dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày	
04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi	
tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số	
87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy	
định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch	
trực tuyến;	
- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của	
Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều	
của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020	
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử	
dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về	
quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày	
28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi	
tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị	

6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.	- Người có yêu cầu đăng ký giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichyucong.gov.vn) hoặc	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các	Mã TTHC: 1.001669
					định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân	

7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn). - Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ- CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; Bộ phận - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Một cửa Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội UBND cấp huyện 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi	Mã TTHC: 2.000756
---	---	---	--	-------------------

					Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực	
					hành/được sửa đói, bố sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
8	bổ sung thông tin hộ	trường hợp nhận hô sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch. - 03 ngày làm việc đối	- Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, <i>bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i>	Mã TTHC: 2.000748

chính hộ tich, xác định lại dân tộc. Trương họp Nội cần phải xác minh thì thời tạn được kếo đầi thêm không quá 06 ngày làm việc. (https://dichvucong.hanoi.gov.vn). (http://dichvucong.hanoi.gov.vn). (http://dichvucong.hanoi.go			
cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dià thêm không quá 06 ngày làm việc. Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thì hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thì hành Nghị định số 87/202/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tư, đáng kỳ hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trướng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ tương Bộ Tư pháp quy định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở đử liệu hộ tịch định tư, đăng kỳ hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ tương Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ tương Bộ Tư pháp ban hành, hướng đần sử dụng, quản 1½ mấu số quốc tịch và mẫu giấy tỏ về quốc tịch và Thông tư số 02/200/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trường Bộ Tư pháp quy định chi tiết thì hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tết một số điều và biện pháp thì hành Luật Hộ tịch: - Thông tư số 24/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mic thu, chế độ thu, nộp, quản			
thời hạn được kéo đài thêm không quá 06 ngày làm việc. 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch: - Thông tr số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của 86 Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi về Cơ sở đủ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tr số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của 86 trưởng Bô Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tr số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bô Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/ND-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở đư liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tr số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bô Tư pháp pháp thì số diều và biện pháp thì số diều và biện pháp thì số diều và biện pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tr số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bô Tư pháp ban hành, hướng đần sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tr số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chỉ tiết thi hành hình, số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/ND-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thì hành Luật Hộ tịch; - Thông tr số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bồ Tài chính quy định mức thư, chế đô thu, nộp, quản			
thêm không quá 06 ngày làm việc. **A biến pháp thi hành Luật Hở tích; - Thông tu số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bô Tư pháp quy định chỉ tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phú quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bô Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nổi dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bổ trưởng Bổ Tư pháp quy định chỉ tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phú quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch địen tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 98/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng đần sử dụng, quán lý mẫu số quốc tịch và Thông tư số quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chỉ tiết thì hành hơng tổ điều và Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phú quy định chỉ tiết một số điều và biện pháp thì hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thụ, chế độ thu, nộp, quán		(<u>https://dichvucong.hanoi.gov.vn</u>).	Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày
ngày làm việc. - Thông tr số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghi định số 87/2020/ND-CP ngày 28/7/2020 của Chính phú quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch điện tử, đăng kỳ hộ tịch trực tuyến; - Thông tr số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trường Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nổi dung của Thông tr số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/ND-CP ngày 28/7/2020 của Chính phú quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch điện tử, đăng kỳ hộ tịch trực tuyến; - Thông tr số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tr số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sha hành, hướng đần sử dụng, quán lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tr số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thì hành một số điều của Chính phú quy định chi tiết thì hành một số điều và biện pháp thì hành Luật Hộ tịch: - Thông tư số 28/22016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Chính phú quy định chi tiết thì hành Luật Hộ tịch: - Thông tư số 28/22016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tử chính quy định chi tiết thì hành Luật Hộ tịch: - Thông tư số 28/12016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tử chính quy định một thu, chế độ thu, nộp, quán			15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
F I nong tir so 01/20/22/11-BIP ngày 04/01/20/22 của Bộ Từ pháp quy định chi tiết môt số điểu và biến pháp thi hành Nghi định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/20/20 của Chính phủ quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tir số 03/20/23/TT-BTP ngày 02/8/20/23 của Bộ trường Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông từ số 01/20/22/TT-BTP ngày 04/01/20/22 của Bộ trường Bộ Từ pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thì hành Nghị định số 87/20/20/NĐ-CP ngày 28/7/20/20 của Chính phủ quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông từ số 04/20/24/TT-BTP ngày 06/6/20/24 của Bộ trưởng Bộ Từ pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông từ số 04/20/20/TT-BTP ngày 08/4/20/20 của Bộ trưởng Bộ Từ pháp ban hành, hướng đẫn sử đụng, quán lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông từ số 04/20/20/TT-BTP ngày 28/5/20/20 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thì hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thì hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 28/12/16/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Từ chính quy định chi tiết một số điều và biện pháp	0 1		và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 cũa Chính phủ quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ tương Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chỉ tiết một số điều và biện pháp thì hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ tương Bộ Tư pháp sửa đối, bố sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ tướng Bộ Tự pháp ban hành, hướng đần sử dụng, quán 1ỷ mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tướng Bộ Tư pháp quy định chỉ tiết thì hành một số điều của kiệ Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chỉ tiết thì hành một số điều của kuật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/TD-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chỉ tiết thì hành một số điều của kuật Hộ tịch và Nghị định thành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thư, chế độ thư, nộp, quản	ngây lâm việc.		- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của
thi hành Nghị định số 87/2020/ND-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bố sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chỉ tiết một số điều và biện pháp thì hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng đần sử đưng, quán 1ý mẫu số quốc tịch và mẫu giáy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chỉ tiết thì hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chỉ tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chỉ tiết một số điều của Bộ Tri chiến quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định Luật Hộ tịch; - Thông tư số 28/1/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thư, chế độ thu, nộp, quản			Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biên pháp
28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng kỳ hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đối, hổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chỉ tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghi định số 87/2020/ND-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng kỳ hộ tịch trực tuyến; - Thống tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đối, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng đần sử dụng, quản 1ỷ mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thì hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/ND-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy dịnh chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chệ độ thu, nộp, quản			
hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng đẩn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp buy định chi tiết thi hành một số điểu của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Từ chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nổi dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quân lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tở về quốc tịch và mãu giấy tở về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chỉ tiết thì hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phú quy định chi tiết một số điều và biện pháp thì hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quân			
Bô trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bố sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng đẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp dụy định chi tiết thì hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tải chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			- · · · · · · · · · · · · · · · · · · ·
dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chỉ tiết một số điều và biện pháp thì hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đối, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quán lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chỉ tiết thì hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thì hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tải chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chỉ tiết thì hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chỉ tiết một số điều và biện pháp thì hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp puy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng kỷ hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thì hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thì hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tở về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều
dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020
quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử
quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			dung, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về
28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			* * * * *
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản			
lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ			
			lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ

_	1		T	,	
				sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của	
				Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	- Người có yêu cầu ghi chú kết hôn trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, <i>bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ	Mã TTHC: 2.002189
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải	12 ngày	- Người có yêu cầu ghi chú ly hôn trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp	Một cửa Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày UBND cấp 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều huyện và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;	Mã TTHC: 2.000554

	quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).		- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày	
11	việc nộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác	nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì rà kết quả trong ngày àm việc tiếp theo. Trong trường hợp hải xác minh thì thời can giải quyết không	- Người có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	Bộ phận Một cửa	04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	Mã TTHC: 2.000547

				 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. 	
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	- Người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai sinh tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, <i>bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ-	Mã TTHC: 2.000552
13	ngoài cho người đã	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Bộ phận và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; Một cửa - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của UBND cấp Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp	Mã TTHC: 1.000893

		dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày
		04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi
		tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số
		87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy
		định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch
		trực tuyến;
		- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của
		Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều
		của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020
		của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử
		dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về
		quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày
		28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi
		tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị
		định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của
		Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
		thi hành Luật Hộ tịch;
		- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của
		Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản
		lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ
		sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam,
		phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;
		- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của
		Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm
		quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành
		phố trực thuộc Trung ương;
		- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021
		của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của
		Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của
		Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm
		quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành
		phố trực thuộc Trung ương.
		- Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư
		pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban

		hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
14	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Bộ phận Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị Một cửa định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của	Mã TTHC: 2.000513

						định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch	
						trực tuyến;	
						- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của	
						Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều	
						của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của	
						Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng,	
						quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch	
						và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của	
						Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một	
						số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số	
						123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ	
						quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành	
						Luật Hộ tịch;	
						- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của	
						Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,	
						nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông	
						tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc	
						tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam,	
						lệ phí quốc tịch.	
						- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của	
						Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí	
						thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân	
						tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	
						- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của	
						Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều	
						của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019	
						của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc	
						thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh,	
						thành phố trực thuộc Trung ương.	
						- Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ	
						tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban	
						hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực	
						hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức	
						năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
			Người có yêu cầu đăng k	ý lai khai	Bô nhân	- Luât Hô tịch năm 2014;	
	Đăng ký lại khai tử		tử trực tiếp thực hiện hoặc			- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015	Mã TTHC:
15	có yếu tố nước	U .1 1				của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện	2.000497
	ngoài	hành xác minh thì	ký lại khai tử tại Bộ			pháp thi hành Luật Hộ tịch;	2.000777
	1		Ky iại Khai tu tại Độ j	man mọt	muyçm	phap an nami Luat Hy tion,	

thời hạn không quá	cửa/Trung tâm hành chính công của	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của
10 ngày làm việc.	UBND cấp huyện hoặc gửi hồ sơ	Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện
10 iiguy iuiii việti	qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ	tử, đặng ký hộ tịch trực tuyến;
	so trực tuyến trên Cổng dịch vụ	- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022
	công quốc gia	của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các
	(https://dichvucong.gov.vn) hoặc	nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình số hộ
	Cổng dịch vụ công cấp tỉnh	khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành
	(https://dichvucong.hanoi.gov.vn)	chính, cung cấp dịch vụ công;
		- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025
		của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các
		Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng
		thực;
		- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của
		Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một
		số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số
		123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ
		quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
		Luật Hộ tịch;
		- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số
		điều và biện pháp thi hành Nghị định số
		87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy
		định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ
		tịch trực tuyến; 180
		- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của
		Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội
		dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày
		04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi
		tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số
		87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy
		định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ
		tịch trực tuyến;
		- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của
		Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều
		của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020
		của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử
		dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về
		quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày

28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi
tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị
định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Hộ tịch;
- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016
của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế
độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử
dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác
nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người
gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.
- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ
phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân
dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số
điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày
29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và
lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng
nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ
tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban
hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực
hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức
năng quản lý của Bộ Tư pháp.

II. Lĩnh vực Nuôi con nuôi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm	- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	huyện hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến theo quy định	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện nơi cư trú của công dân	- Luật Hộ tịch 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình số hộ khẩu, số tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐCP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ số, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; 98 - Thông tư số	Mã TTHC: 2.002363

ТТ	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		3 1 1		•	281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của	
					Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu,	
					chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử	
					dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác	
					nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người	
					gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;	
					- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11	
					nặm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn	
					về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của	
					Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung	
					uong;	
					- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11	
					năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ	
					sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC	
					ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài	
					chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền	
					quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố	
					trực thuộc Trung ương;	
					- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm	
					2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày	
					28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
					về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con	
					nuôi.	
					- Quyết định số 71/QĐ-STP ngày 10/01/2025 của Bộ	
					tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa	
					đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm	
					vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	

III. Lĩnh vực Chứng thực

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	Nộp hồ sơ trực tiếp	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. + Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp	Mã TTHC: 2001008

2	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy đinh chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. + Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp	Mã TTHC: 2.001044
3	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	Nộp hồ sơ trực tiếp	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực + Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	Mã TTHC: 2.001050

4	v y Chứng thực văn bảnh khai nhận di sản màc di sản là động sản k n p n	Không quá 02 (hai) ngày làm riệc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ rêu cầu chứng thực hoặc có hể kéo dài hơn theo thỏa thuận văng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp céo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có bhiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người rêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. + Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	Mã TTHC: 2.001052
---	--	---	---------------------	--------------------------------------	---	-------------------

C. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã

I. Lĩnh vực Hộ tịch

ТТ	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	I on oir nhon iv	Ghi chú
1	Đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)	Một cửa UBND cấp xã	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình số hộ khẩu, số tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thì hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số	Mã TTHC: 1.001193

					02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tò về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
2	Đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của	Người có yêu cầu đăng ký kết hôn thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)	Một cửa UBND cấp xã	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ	Mã TTHC: 1.000894

hai bên nam, nữ	- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ
thì thời hạn giải	sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ
quyết không quá	tịch, quốc tịch, chứng thực;
05 ngày làm	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ
việc.	Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và
	Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ
	quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
	- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng
	Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
	Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy
	định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
	- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ
	Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số
	01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy
	định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số
	87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ
	sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
	- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ
	Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
	02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban
	hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy
	tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020
	của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều
	của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày
	15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
	pháp thi hành Luật Hộ tịch;
	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng
	Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử
	dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch,
	phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc
	Việt Nam, lệ phí quốc tịch.
	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng
	Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết
	định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
	uong;
	- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng
	Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
	85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn
	0.5/2017/11-DTC ligay 27/11/2017 cua Do Tai Chilli lidolig dali

3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại).		về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tinh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp địch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp gưa định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở đĩ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sưa đối, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban	Mã TTHC: 1.001022
---	------------------------------	--	--	--	---	-------------------------

					hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
4	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại).	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã		Mã TTHC: 1.000689

					Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tinh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tinh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
5	Đăng ký khai tử	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày	Người có yêu cầu đăng ký khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ	Mã TTHC: 1.000656

	làm việc tiếp	Cổng dịch vụ công cấp tỉnh	đến việc nộp, xuất trình số hộ khẩu, số tạm trú giấy khi thực
	theo.	(https://dichvucong.hanoi.gov.vn)	hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;
	tneo.	(nups://dichvucong.nanoi.gov.vn)	
			- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ
			sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực
			hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
			- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng
			Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ
			tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của
			Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
			Luật Hộ tịch;
			- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng
			Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
			Nghị định 230 số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính
			phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch
			trực tuyến;
			- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng
			Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số
			01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
			quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định
			số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về
			Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đặng ký hộ tịch trực tuyến;
			- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng
			Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
			02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
			ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu
			giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày
			28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành
			một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP
			ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
			và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
			- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ
			trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản
			lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ
			liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận
			là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;
			- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng
			Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền

				quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11 trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số đư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền c Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc T - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/đu sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan c thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp	/2021 của Bộ iều của Thông Bộ Tài chính quyết định của Trung ương. a Bộ tư pháp về ược sửa đổi, bổ đăng ký hộ tịch
6	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	Lưu động	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2 phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp th tịch; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2 phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trư hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 1 Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều củ 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số qu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tivà biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thướ	ii hành Luật Hộ 022 của Chính định liên quan á giấy khi thực của Chính phủ trong lĩnh vực của Bộ trưởng ều của Luật Hộ 15/11/2015 của n pháp thi hành của Bộ trưởng a Thông tư số ng Bộ Tư pháp nốc tịch và mẫu /TT-BTP ngày chi tiết thi hành 3/2015/NĐ-CP iết một số điều

				quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
ký kết hôn u động	05 ngày làm việc	Lưu động	Tại địa điểm đăng ký kết hôn lưu động	Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	Mã TTHC: 1.000593

				- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
8	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	Lưu động		Mã TTHC: .000419

				E c	Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
9	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc.	Người có yêu cầu đăng ký giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	Bộ phận h Một cửa UBND cấp xã h t	Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính bhủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ ịch; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực uyến; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính bhủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực niện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nộ tịch, quốc tịch, chứng thực; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ ịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực uyến;	Mã TTHC: 1.004837

					- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tực hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Hộ tịch năm 2014; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; 	Mã TTHC: 1.004845

	N1.: #:1 2.07/2020/NID CD \ 2.07/2020 2. C1 / 1. 1.2
xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ
bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực	quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực
tuyến trên Cổng dịch vụ công	tuyến;
quốc gia	- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính
(https://dichvucong.gov.vn) hoặc	phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan
Cổng dịch vụ công cấp tỉnh	đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực
(https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;
(- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ
	sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực
	hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng
	Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ
	tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của
	Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
	Luật Hộ tịch;
	- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng
	Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
	Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ
	quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực
	tuyến;
	- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng
	Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số
	01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
	quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định
	số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về
	Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
	- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng
	Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
	02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
	ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu
	giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày
	28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành
	một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP
	ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
	và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ
	trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản
	lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ
	ry va su dung pin khai mac, su dung mong mi nong co so du

		- 03 ngày làm			liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Luật Hộ tịch năm 2014;	
11	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ 	Mã TTHC: 1.004859

					quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng	
					Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định	
					số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về	
					Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng	
					Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số	
					02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
					ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày	
					28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành	
					một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều	
					và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;	
					- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ	
					trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ	
					liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận	
					là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;	
					- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền	
					quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc	
					Trung wong;	
					- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ	
					trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính	
					hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của	
					Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	
					- Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ	
					sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch	
		02 \ 1\			thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	1.4~
12	Cấp Giấy xác nhận	03 ngày làm việc; trường hợp	Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trực tiếp		- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;	Mã TTHC:
	tình trạng hôn nhân	phải xác minh	thực hiện hoặc ủy quyền cho	Một cửa	- Luật Hộ tịch năm 2014;	1.004873

thì thời hạn giải	người khác thực hiện nộp hồ sơ	UBND - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính
quyết không quá	trực tiếp tại Bộ phận một cửa của	cấp xã phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ
23 ngày.	UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua	tịch;
	hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ
	sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ	quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực
	công quốc gia	tuyến;
	(https://dichvucong.gov.vn) hoặc	- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính
	Cổng dịch vụ công cấp tỉnh	phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan
	(https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	đến việc nộp, xuất trình số hộ khẩu, số tạm trú giấy khi thực
		hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;
		- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ
		sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực
		hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;
		- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng
		Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ
		tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của
		Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
		Luật Hộ tịch;
		- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng
		Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
		Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ
		quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực
		tuyến;
		- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng
		Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số
		01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
		quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định
		số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về
		Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
		- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng
		Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
		02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
		ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu
		giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày
		28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành
		một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP
		ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
		và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

					- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch	
13	Đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai sinh tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã		Mã TTHC: 1.004884

	- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng
	Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
	Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ
	quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực
	tuyến;
	- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng
	Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số
	01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
	quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định
	số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về
	Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bô trưởng
	Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
	02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
	ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu
	giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày
	28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành
	một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP
	ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
	và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
	- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng
	Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh
	vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban
	hành;
	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ
	trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản
	lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ
	liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận
	là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;
	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng
	Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền
	quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc
	Trung wong;
	- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ
	trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông
	tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính
	hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của
	Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
	Tiệt dong man dan tim, tham pho trực thuộc Trung dong.

14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân thời hạn quyết không 25 ngày	nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính iải hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên	Bộ phận Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ Một cửa tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của UBND Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành cấp xã Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành	Mã TTHC: 1.004772
----	---	---	--	-------------------------

			Người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp		- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bở một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014;	
15	Đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại)	Một cửa UBND	- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ	Mã TTHC: 1.004746

đến việc nộp, xuất trình số hộ khẩu, số tam trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghi đinh trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biên pháp thi hành Luât Hô tich; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bô Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biên pháp thi hành Nghi định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đặng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bô Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nôi dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biên pháp 361 thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày

28/5/2020 của Bô trưởng Bô Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghi định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biên pháp thi hành Luật Hộ tịch;

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dung phí khai thác, sử dung thông tin trong cơ sở dữ liêu hộ tịch, phí xác nhân có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhân là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền

					quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
16	Đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai tử tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Mã TTHC: 1.005461

					quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở đữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thì hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyềt định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tực hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
17	Đăng ký giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm	Người có yêu cầu đăng ký giám sát việc giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã		

	7	,		
	việc kể từ ngày	quốc gia	- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính	
	tiếp nhận hồ sơ.	(https://dichvucong.gov.vn) hoặc	phủ sửa đổi, bổ sụng một số điều của các nghị định liên quan	
		Cổng dịch vụ công cấp tỉnh	đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực	
		(https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;	
			- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ	
			sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực	
			hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;	
			- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng	
			Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ	
			tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của	
			Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành	
			Luật Hộ tịch;	
			- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng	
			Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành	
			Nghị định số 87/2020/NĐ- 381 CP ngày 28/7/2020 của Chính	
			phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch	
			trực tuyến;	
			- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng	
			Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số	
			01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
			quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định	
			số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về	
			Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	
			- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng	
			Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số	
			02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
			ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu	
			giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày	
			28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành	
			một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP	
			ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều	
			và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;	
			- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ	
			trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản	
			lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ	
			liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận	
			là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;	
 1	1	l	Em ribano Boo	

				- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
18	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp xã hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;	

	- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng
	Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số
	01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
	quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định
	số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về
	Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
	- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng
	Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
	02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
	ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu
	giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày
	28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành
	một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP
	ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
	và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ
	trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản
	lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ
	liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận
	là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;
	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng
	Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền
	quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
	- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ
	trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư
	số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng
	dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND
	tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
	- Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về
	việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ
	sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch
	thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
<u> </u>	 I was keener to seems among alones of and to head.

II. Lĩnh vực Nuôi con nuôi

TT	ĩnh vực Nuôi con nư Tên thủ tục hành	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
11	chính	Inoi nan giai quyct	Cach muc muc men	thực hiện		
1	con nuôi trong nước	- Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi: Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người nhận con nuôi thường trú trực tiếp xác minh trong 05 ngày làm việc hoặc có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá theo nội dung Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá theo nội dung Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi và có văn bản thông báo kết quả đánh giá cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú.	tuyến theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.	Bộ phận Một	- Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình số hộ khẩu, số tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Mã TTHC: 2.001263

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		- Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến; - Thời gian tổ chức đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước cho bên giao và bên nhận: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.			về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi Quyết định số 71/QĐ-STP ngày 10/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
2		Ŭ.	Nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua hình thức nộp trực tiếp, gửi qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.		- Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình số hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban	Mã TTHC: 2.001255

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và	
					lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;	
					- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11	
					năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn	
					lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí	
					ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con	
					nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động	
					của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;	
					- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm	
					2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung	
					một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày	
					28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
					về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng,	
					quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con	
					nuôi.	
					- Quyết định số 71/QĐ-STP ngày 10/01/2025 của Bộ	
					tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa	
					đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm	
					vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	

III. Lĩnh vực Chứng thực

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy đinh chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. + Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	

2	Chứng thực di chúc	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp		+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. + Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	Mã TTHC: 2.001019
	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. + Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	Mã TTHC: 2.001016

4	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiểu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp		+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy đinh chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. + Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	Mã TTHC: 2.001406
5	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	van ban vơi người yeu cầu chứng thực Trường	Nộp hồ sơ trực tiếp	Bộ phận Một	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy đinh chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. + Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	Mã TTHC: 2.001009

D. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của nhiều cơ quan, tổ chức.

I. Lĩnh vực Hộ tịch

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp thành phố Hà Nội hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, <i>bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020	Mã TTHC: 2.000635

		của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch	
		điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	
		- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024	
		của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một	
		số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày	
		08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành,	
		hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và	
		mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số	
		04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng	
		Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều	
		của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-	
		CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi	
		tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ	
		tich;	
		- Thông tu số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	
		của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,	
		quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin	
		trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc	
		tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam,	
		lệ phí quốc tịch;	
		- Thông tu số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019	
		của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc	
		thẩm quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh,	
		thành phố trực thuộc Trung ương;	
		- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày	
		26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung	
		một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC	
		ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về	
		phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của	
		Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc	
		Trung trong;	
		- Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của	
		Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới	
		ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ	
 1	I		

2	Thủ tục Xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công của thành phố Hà Nội https://dichvucong.hanoi.gov.vn).	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp thành phố Hà Nội hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện	tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tực hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022	Mã TTHC: 2.002516
---	------------------------------------	---	--	---	---	-------------------------

	định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
	bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Quyết định số 85/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

II. I	II. Lĩnh vực Chứng thực								
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.	Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan, tổ chức lưu số gốc hoặc gửi yêu cầu qua bưu điện.	Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp	Mã TTHC: 2.000908			

2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tò, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trận thì thời hạn ghưng thực	Nộp hồ sơ trực tiếp	Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã hoặc Tổ chức hành nghề công chứng	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực họp đồng, giao dịch; + Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hương dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐCP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực họp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; + Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thể công chứng viên. + Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
---	--	---	---------------------	---	---	--

3 C	trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp	Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã hoặc Tổ chức hành nghề công chứng	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy đinh chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐCP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; + Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên. + Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	Mã TTHC: 2.000884
-----	--	--	---------------------	---	--	-------------------

	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp	huyện hoặc Bộ phận	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy đinh chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. + Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	Mã TTHC: 2.000913
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp	huyện hoặc Bộ phận	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. + Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp	Mã TTHC: 2.000927

6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Nộp hồ sơ trực tiếp	Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; + Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy đinh chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; + Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. + Quyết định số 86/QĐ-STP ngày 14/01/2025 của Bộ tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp	Mã TTHC: 2000942
---	---	---	---------------------	--	--	------------------

Phụ lục II DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BẮI BỔ TRONG LĨNH VỰC CHỨNG THỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI (Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày tháng năm 2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

A. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện

7	Т	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
	1	2.000843		Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.		Phòng Tư pháp	Nội dung thủ tục đã được gộp vào mã 2.000815 để đảm bảo thống nhất, tránh trùng lặp.